


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THANH HÓA

Thanh Hóa, tháng 7 năm 2015

**ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THANH HÓA**

1. Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa
2. Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ
3. Phương án hoạt động của Quỹ năm 2015, 2016
4. Thuyết minh cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ
5. Dự thảo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ

Thanh Hóa, tháng 7 năm 2015

**ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA**

**Phần thứ nhất
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC THÀNH LẬP
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25/02/2014 về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 8/04/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BTC ngày 12/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- Nghị quyết 02/NQ-TU của ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015;
- Nghị quyết số 163/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 18 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2011- 2015 của tỉnh Thanh Hóa;
- Nghị quyết 171/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 18 về việc thông qua các danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 – 2015;

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Năm 1997, Quỹ Đầu tư phát triển địa phương đầu tiên (Quỹ TP.HCM, nay là Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP.HCM) được thành lập theo hình thức thí điểm.

Sau hơn 18 năm thực hiện thí điểm, mô hình này đã được nhân rộng ra nhiều tỉnh, thành phố và đã đạt được những kết quả tích cực; trở thành một kênh

huy động vốn quan trọng cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển ở một số tỉnh: Qua thực tế hoạt động Quỹ đầu tư phát triển của các tỉnh cho thấy, đến nay các Quỹ được thành lập đều có hiệu quả, vốn ngày càng tăng; góp phần giải quyết các vấn đề đầu tư mà Nhà nước cần quan tâm trong khi NSNN chưa bố trí được nguồn và tham gia đầu tư cùng các thành phần kinh tế khác để đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội *(có phụ lục kèm theo)*

Theo tài liệu Hội nghị thường niên đánh giá tình hình thực hiện dự án Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính tổ chức vào tháng 9/2013 tại tỉnh Ninh Bình, đến nay cả nước đã thành lập 35 Quỹ đầu tư phát triển tại các tỉnh, thành phố. Qua thực tiễn triển khai hoạt động của các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Bộ Tài chính đã đánh giá việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển địa phương là một chủ trương đúng, cho phép giải quyết đồng thời nhiều mục tiêu khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; cụ thể:

- Sự ra đời của các Quỹ Đầu tư phát triển đã tạo tiền đề cho việc chuyển hoá một phần hoạt động đầu tư của Nhà nước sang cho toàn xã hội nhằm thực hiện chủ trương “đầu tư công tư kết hợp”. Ngân sách nhà nước chỉ đầu tư vào các dự án không có khả năng thu hồi vốn, hoặc những dự án phục vụ lợi ích cộng đồng theo dự toán hàng năm. Đối với các dự án, chương trình phát triển kinh tế xã hội có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thì việc đầu tư sẽ được xã hội hóa thông qua các kênh khác nhau, trong đó có kênh Quỹ Đầu tư phát triển.

- Dựa vào chức năng huy động vốn trung, dài hạn của Quỹ, Chính quyền các địa phương có thêm công cụ tài chính để huy động các nguồn lực tài chính phục vụ cho mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

- Việc kết hợp nhiều nguồn vốn khác nhau cho phép đảm bảo khả năng tài chính, thúc đẩy tiến độ thực hiện các công trình, dự án. Hoạt động của Quỹ đã bổ trợ cho các kênh đầu tư khác hiện có và tạo nên một mạng lưới đầu tư hoàn chỉnh trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

Phần thứ hai

SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA

I. Thực trạng

Thanh Hóa là một tỉnh nghèo, hàng năm Trung ương bổ sung cân đối chi trên 70% . Trong những năm qua, nguồn vốn bố trí cho phát triển kinh tế - xã hội từ nguồn khai thác phát huy nội lực của địa phương và hỗ trợ của Trung ương nên tỉnh Thanh Hóa có nhịp độ phát triển khá, liên tục; hệ thống hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp thoát nước, các cơ sở y tế, trường học và các công trình phúc lợi xã hội khác được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt;

chính trị - xã hội trên địa bàn được ổn định; an ninh - quốc phòng được giữ vững.

Tỉnh Thanh Hóa có lợi thế về vị trí địa lý, nằm ở Bắc Trung Bộ, trên trục giao thông Bắc-Nam, có đường Quốc lộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không; đặc biệt có Khu kinh tế Nghi Sơn là một trong 5 khu kinh tế lớn, trọng điểm của cả nước được Chính phủ ưu tiên đầu tư; Cảng nước sâu Nghi Sơn là điều kiện thuận lợi để Thanh Hóa mở rộng giao lưu kinh tế với các tỉnh trong cả nước và với nước ngoài. Thanh Hóa là tỉnh có nhiều điểm du lịch tiềm năng như: Khu di tích lịch sử Lam Kinh; hệ thống các bãi biển đa dạng và phong phú; có di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ và có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng khác. Tuy nhiên nguồn vốn đầu tư nói chung còn hạn chế. Nếu được đầu tư đúng mức sẽ là thế mạnh để phát triển du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Vì vậy, việc phát huy các lợi thế so sánh để phát triển nhanh, mạnh và vững chắc kinh tế-xã hội đối với tỉnh Thanh Hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao (bình quân trên 10%/năm), tỉnh đã tập trung mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nên quy mô đầu tư ngày càng tăng.

- Các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư của tỉnh được ban hành theo hướng tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, thông thoáng nhằm thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư. Tổng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước giai đoạn 2006-2013 là 115.825 tỷ đồng, chiếm 54% trên tổng đầu tư toàn xã hội.

- Các nguồn nội lực của tỉnh được khai thác và sử dụng có hiệu quả; đặc biệt các nguồn khai thác quỹ đất và một phần nguồn lực trong dân cư thông qua hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm đã góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển của tỉnh.

- Các hình thức và các công cụ huy động nguồn lực tài chính từng bước được đa dạng, đảm bảo nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm có tác động đến phát triển kinh tế của tỉnh, nhiều công trình có qui mô đầu tư lớn được hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

- Tỉnh đã dành một phần vốn từ ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách để hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhà nước địa phương có điều kiện phát triển sản xuất - kinh doanh, đây là nỗ lực lớn của tỉnh trong điều kiện ngân sách còn khó khăn.

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh từ 2006 - 2013 là 213.629 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước chiếm 46% trên tổng đầu tư toàn xã hội). Tổng nguồn huy động và cơ cấu nguồn vốn như sau:

ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2006-2013

Chỉ tiêu	2006-2009	2010-2013	2006-2013
1. Tổng đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)	56.689	156.940	213.62
- Vốn khu vực nước	28.292	69.512	97.804
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	28.397	87.428	115.825
2. Cơ cấu nguồn vốn (%)			
- Vốn khu vực nhà nước	50	44	46
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	50	56	54

(Nguồn: Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

2. Sự cần thiết

Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra: “Khai thác, phát huy mọi nguồn lực và lợi thế so sánh để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; trong đó phát triển công nghiệp, xây dựng, phát triển đô thị là nhiệm vụ đột phá mang tính chiến lược”. Một trong những mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2011-2015 là tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt từ 17-18%.

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư phát triển cần huy động giai đoạn 2014-2020, là 793 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2014-2015 khoảng 193 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2016-2020 khoảng 600 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn thay đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng huy động vốn từ NSNN, tăng tỷ trọng vốn khu vực ngoài nhà nước. Nhu cầu huy động và cơ cấu nguồn vốn dự kiến như sau:

ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2014-2020

Chỉ tiêu	2014-2015	2016-2020	2014-2020
1. Tổng đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)	193.530	600.000	793.530
- Vốn khu vực nhà nước	45.370	125.000	170.370
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	148.160	475.000	623.160
2. Cơ cấu nguồn vốn (%)			
- Vốn khu vực nhà nước	23	20	21
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	77	80	79

(Nguồn: Báo cáo về tình hình đầu tư phát triển năm 2014, kế hoạch 2015 số 144/BC-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh và Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung mọi nguồn lực hiện có để ưu tiên dành cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng được so với nhu cầu đầu tư phát triển của tỉnh; nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn huy động từ dân cư và các thành phần kinh tế khác

còn thấp, không ổn định. Thực tế cho thấy cần phải có sự tăng cường các công cụ huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế-xã hội ngày càng tăng.

Hiện nay, yêu cầu thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, để đáp ứng yêu cầu nguồn vốn huy động, quản lý đầu tư phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, xây dựng nông thôn mới là rất cần thiết.

Thứ nhất, Quỹ là công cụ huy động vốn phục vụ đầu tư phát triển của tỉnh.

Thời gian qua, việc huy động vốn chủ yếu thông qua các dự án từ ngân sách nhà nước (NSNN) chủ yếu từ nguồn vốn CTMT Quốc gia, trái phiếu, các chương trình mục tiêu; các dự án BT, BOT, PPP hay huy động từ nguồn tài chính khác rất khó khăn, hạn hẹp, nhiều dự án dở dang, hoặc không có nguồn vốn triển khai thực hiện làm ảnh hưởng đến tiến độ do thiếu vốn, khó khăn cho việc bố trí mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong khi nguồn vốn nhân rồi của NSDP và các nguồn Quỹ khác chưa được huy động, kênh huy động các nguồn lực tài chính của địa phương chưa có tính chất pháp lý để thực hiện, quản lý sử dụng đầu tư.

Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn huy động từ các công cụ hiện có chưa thể đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thì việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển để huy động nguồn vốn nhân rồi của NSNN, vốn của các tổ chức kinh tế trong nước, vốn nước ngoài (ODA, ADB... vốn của của tổ chức tài chính quốc tế), phát hành trái phiếu chính quyền địa phương... tạo ra một kênh huy động vốn mới là phù hợp và hết sức cần thiết, góp phần không nhỏ giải quyết những tồn tại, khó khăn của tỉnh về nguồn vốn, nhất là nguồn vốn trung, dài hạn để tập trung đầu tư, cho vay đầu tư vào các dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu của tỉnh... từ đó góp phần giúp tỉnh đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế – xã hội theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

Qua hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển ở một số địa phương trong thời gian vừa qua đã chứng minh đây là kênh huy động vốn có hiệu quả, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Bên cạnh đó việc thành lập Quỹ ở địa phương đang được các nhà đầu tư, nhà tài trợ trong nước và quốc tế rất quan tâm để cùng tham gia đầu tư. Một số địa phương thành lập Quỹ đầu tư phát triển đã tiếp cận được các kênh vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế như WB, AFD... Năm 2009, Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng thế giới đã ký kết Hiệp định tài chính dành cho tất cả các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương với tổng trị giá 190 triệu USD, Bộ Tài chính đã duyệt cho các Quỹ (Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ, Lâm Đồng) vay lại với số tiền là 215 tỷ đồng, thời gian cho vay 25 năm và lãi suất vay lại là 4%/năm; năm 2011 ký thoả ước tín dụng với Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) về Hạn mức tín dụng 20 triệu Euro dành cho hai Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và Cần Thơ, ngày 08/12/2011 Bộ Tài chính đã ký hợp đồng vay lại với Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, với tổng giá trị khoản vay là 10 triệu Euro. Việc tham gia vào các

Dự án nguồn vốn này không chỉ giúp cho các Quỹ giải quyết được nhu cầu về vốn cho đầu tư trung và dài hạn mà còn giúp cho các Quỹ nâng cao năng lực về quản lý và quản trị điều hành với chuẩn mực cao hơn.

Việc huy động vốn của Quỹ đa dạng, đặc biệt chú trọng vào việc huy động nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân khu vực ngoài quốc doanh cùng tham gia thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hình thức hợp tác công - tư vào các dự án đầu tư có tỷ suất sinh lời ở mức vừa phải nhưng lại cấp thiết cho phát triển kinh tế xã hội. Những hoạt động như vậy sẽ góp phần xã hội hoá hoạt động đầu tư của tỉnh, thu hút nhiều nguồn vốn của dân cư, tổ chức tham gia đầu tư các mục tiêu phát triển của tỉnh. Các hình thức huy động vốn của Quỹ:

- Huy động vốn thông qua vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước và các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, nguồn vốn huy động từ các tổ chức tài chính quốc tế là rất quan trọng (số vốn lớn, thời gian vay dài, lãi suất thấp).

- Huy động vốn thông qua việc bỏ vốn để kêu gọi liên doanh đầu tư.

- Huy động vốn thông qua việc cho vay một phần của dự án đầu tư để thu hút phần vốn còn lại của nhà đầu tư,....

- Huy động vốn thông qua tham gia góp vốn sáng lập công ty cổ phần, công ty TNHH, tham gia mua cổ phần tại các doanh nghiệp để thực hiện các mục tiêu đầu tư của Quỹ.

- Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Quỹ là công cụ tài chính linh hoạt của chính quyền để đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án theo chương trình, mục tiêu của tỉnh đề ra.

Việc đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ mang tính chủ động, linh hoạt, thủ tục gọn nhẹ, không phụ thuộc vào thời gian phê duyệt dự án đầu tư và niên độ ngân sách (các dự án đầu tư bằng vốn ngân sách không đáp ứng được do phụ thuộc vào Luật ngân sách, Luật đầu tư công), thực hiện nguyên tắc bảo toàn vốn, nguồn vốn được quay vòng giúp nâng cao hiệu quả sử dụng của dòng vốn.

Quỹ làm chủ đầu tư trực tiếp, góp vốn đầu tư, cho vay các dự án cần ưu tiên, các dự án cần thiết theo định hướng phát triển KT-XH trong từng thời kỳ, góp phần đảm bảo mục tiêu đầu tư cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực của địa phương.

Việc đầu tư, cho vay của Quỹ tập trung vào các dự án sau:

- Các dự án hạ tầng giao thông; hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế; các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

- Các dự án bảo vệ và cải tạo môi trường.

- Các dự án phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

+ Các dự án hoạt động khuyến nông giúp các hộ và tổ chức tiếp cận các dịch vụ, ứng dụng kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và áp dụng vào kế hoạch đã được xác định để phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

+ Các dự án hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn (trồng trọt, chăn nuôi quy mô lớn mang tính sản xuất hàng hoá cao; sản phẩm nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ sinh học; giết mổ gia súc tập trung; phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp...), các dự án xây dựng, cải tạo làng nghề ở khu vực nông thôn.

+ Các dự án về điện, đường, trường, trạm, cấp thoát nước, xây dựng nông thôn mới.

- Các dự án xã hội hóa hạ tầng xã hội (nhà ở xã hội; bệnh viện, trường học, chợ, trung tâm thương mại; khu du lịch,...)

- Thực hiện các nhiệm vụ quan trọng khác theo quyết định của UBND tỉnh.

Thứ ba, Thông qua hoạt động của Quỹ góp phần nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư của tỉnh.

Quỹ được nhận uỷ thác quản lý các nguồn vốn, cho vay đầu tư và thực hiện thu hồi nợ (dự án được tạm ứng từ Ngân sách, vay KBNN, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các Doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước) thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với các tổ chức, cá nhân uỷ thác; quản lý hoạt động của Quỹ Phát triển đất và một số quỹ khác do UBND tỉnh thành lập. Như vậy với nguồn vốn đầu tư khi uỷ thác cho Quỹ sẽ có hiệu quả hơn, vì việc giải ngân đầu tư theo tiến độ, nên trong khi nguồn vốn chưa sử dụng đến, sẽ được sử dụng để cho vay ngắn hạn đối với các dự án khác (đồng vốn luôn lưu thông) tăng cường hiệu quả sử dụng vốn.

Như vậy, Quỹ là một công cụ tài chính linh hoạt, cần thiết của chính quyền trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA

I. TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ, ĐỊA VỊ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

1. Tên gọi

Tên gọi đầy đủ: Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

Tên giao dịch quốc tế: Thanh Hoa Development Investment Fund.

Tên viết tắt: THDIF.

2. Trụ sở:

Trụ sở hoạt động của Quỹ được đặt tại Nam Đại Lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa (Sở Tài chính Thanh Hóa).

3. Địa vị pháp lý

Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước của tỉnh, do UBND tỉnh trực tiếp quản lý; thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Nguyên tắc hoạt động

Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách (công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn), thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1.1. Hoạt động huy động vốn: Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

1.2. Hoạt động đầu tư trực tiếp: Quỹ được đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

1.3. Hoạt động cho vay: Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

1.4. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

1.5. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

b) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

1.6. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương: Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ

- Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư và phát triển địa phương theo quy định của Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

- Được lựa chọn các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

- Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ.

- Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

- Được mời tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của Pháp luật.

III. VỐN HOẠT ĐỘNG

Vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động.

1. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

1.1. Vốn điều lệ: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

* Phương án cấp vốn điều lệ:

- Năm 2015: Đề nghị bố trí 100 tỷ đồng; từ nguồn sắp xếp nhiệm vụ chi và nguồn tăng thu năm 2015.

- Năm 2016: Bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh: 50 tỷ đồng.

Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách sẽ xem xét bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do UBND tỉnh quyết định và thông báo

cho Bộ Tài chính, nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu quy định là 100 tỷ đồng.

1.2. Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển (*là các quỹ được hình thành từ kết quả phân phối chênh lệch thu chi hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển thanh hóa*).

1.3. Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu:

- Các nguồn vốn tài trợ, viện trợ khác.
- Vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động

2.1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn (*là các nguồn vốn có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở lên*) của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

- Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.
- Phát hành trái phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật.
- Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Giới hạn huy động vốn

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại điểm 2.1 nêu trên tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Quỹ đầu tư phát triển thanh hóa tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập. Tổ chức bộ máy của Quỹ bao gồm:

- Hội đồng quản lý.
- Ban Kiểm soát.
- Bộ máy điều hành.

1. Hội đồng quản lý Quỹ:

1.1. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ gồm 5 thành viên :

- Chủ tịch Hội đồng quản lý: Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm;
- Phó chủ tịch Hội đồng quản lý, kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách;
- Phó chủ tịch Hội đồng quản lý: do Lãnh đạo Sở Tài chính kiêm nhiệm;
- Các thành viên:
- + Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư kiêm nhiệm;

+ Lãnh đạo NHNN Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa kiêm nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định.

1.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ, danh mục lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương để quyết định hoặc chấp thuận, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

- Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, cơ chế chính sách huy động vốn và cho vay, Điều lệ và tổ chức hoạt động, Quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình UBND tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ.

- Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

- Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay và lãi suất huy động đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mức lãi suất cho vay hay lãi suất ưu đãi cũng như lãi suất huy động vốn không được vượt quá trần lãi suất cho vay trung và dài hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố ở thời điểm cho vay.

- Xem xét, quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

- Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

- Ban hành quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Quyết định quỹ lương kế hoạch, quyết định quỹ lương thực hiện của người lao động sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

- Quyết định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, mức tạm ứng tiền lương, thù lao cho viên chức quản lý; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quỹ lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm đối với viên chức quản lý theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ; mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ.

- Trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến hoạt động của Quỹ.

- Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

- Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể và định kỳ 3 tháng (quý) họp 01 lần để nghe Thường trực Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo tình hình tổ chức điều hành Quỹ trong quý. Qua đó, Hội đồng xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng.

2. Ban kiểm soát

2.1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, gồm: Trưởng Ban do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; 02 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách (01 người) và làm việc chuyên trách (01 người).

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

- Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ.

- Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

3. Bộ máy điều hành

3.1. Bộ máy điều hành của Quỹ gồm:

- Ban Giám đốc: Có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các Phòng, Ban nghiệp vụ gồm:
- + Phòng Kế hoạch - thẩm định.
- + Phòng Quản lý dự án đầu tư.
- + Phòng Tín dụng và Quản lý vốn ủy thác.
- + Phòng Tài chính tổng hợp – hành chính tổ chức

Ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển quản lý Quỹ phát triển đất (thông qua hợp đồng quản lý vốn ủy thác). Quỹ Đầu tư phát triển điều hành nghiệp vụ, quản lý, lập sổ sách hạch toán kế toán theo dõi riêng đối với Quỹ phát triển đất.

(Điều 9 Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế mẫu về quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất quy định: Quỹ phát triển đất sau khi được UBND tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển quản lý, thì không thành lập các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ phát triển đất).

3.2. Giám đốc Quỹ là Phó chủ tịch Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

3.3. Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

3.4. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định việc tăng, giảm các Phòng, Ban nghiệp vụ và tổng số lao động hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

3.5. Số người làm việc: Ban Điều hành Quỹ có 16 người, gồm Giám đốc, 02 Phó giám đốc, kế toán trưởng và 11 cán bộ, viên chức. Ngoài ra, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, khối lượng công việc, khả năng tài chính, Giám đốc Quỹ được ký hợp đồng lao động, đảm bảo cho việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không được vượt quá số lao động hàng năm đã được Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

Phần thứ tư

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH THANH HÓA

I. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp

Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định.

2. Điều kiện đầu tư

- Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

3. Phương thức đầu tư

3.1. Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của UBND cấp tỉnh.

3.2. Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức đầu tư

4.1. Tuỳ từng điều kiện cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng hợp tác công - tư (PPP) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

- Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

4.2. Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư

5.1. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Quỹ quyết định.

5.2. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh quyết định.

II. CHO VAY ĐẦU TƯ

1. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay theo quy định.

2. Điều kiện cho vay

Quỹ chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.
- Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.
- Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

3.1. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời gian vay đến 15 năm do Quỹ quyết định.

3.2. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời gian vay trên 15 năm do UBND tỉnh quyết định.

4. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm, UBND tỉnh quyết định.

5. Lãi suất cho vay

5.1. Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

5.2. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất nêu trên, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo UBND tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

5.3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND tỉnh quyết định.

5.4. Trường hợp UBND tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu, UBND tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

5.5. Trường hợp UBND tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh.

b) UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển thanh hóa trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

c) UBND tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đầu tư phát triển thanh hóa theo quy định tại Điểm b nêu trên, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

5.6. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định nêu trên thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

6. Bảo đảm tiền vay

Tuỳ thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

7. Quy định về cho vay hợp vốn

7.1. Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

7.2. Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Thanh Hóa;

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả Thanh Hóa;

c) Được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.

7.3. Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ.

8. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư

Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư như các tổ chức tín dụng.

9. Xử lý rủi ro

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

9.1. Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

9.2. Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- a) Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- b) Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);
- c) Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

10. Thẩm quyền xử lý rủi ro

10.1. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

10.2. Hội đồng quản lý quyết định việc xoá, giảm nợ lãi.

10.3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh.

III. GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

1. Hình thức góp vốn

Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Thanh Hóa đã được UBND tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 1 mục I phần thứ tư của Đề án.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn

2.1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Quỹ quyết định.

2.2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh quyết định.

IV. NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

1. Nhận uỷ thác

1.1. Quỹ được nhận uỷ thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong

và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

1.2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các quỹ tài chính địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Việc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

1.4. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác

2.1. Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2.2. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

V. GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

2. Giới hạn cho vay

2.1. Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

2.2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định trên thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Phần thứ năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

1.1. Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh:

- Quyết định thành lập Quỹ đầu tư phát triển thanh hóa, kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và Quy chế quản lý tài chính của Quỹ.

- Thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Quỹ và định biên lao động của Quỹ.

b) Trình UBND tỉnh cấp vốn cho Quỹ.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất UBND tỉnh Thanh Hóa danh mục các công trình để giao cho Quỹ tiến hành thực hiện đầu tư sau khi được thành lập.

1.2. Hàng năm, căn cứ vào Nghị quyết HĐND tỉnh, trình UBND tỉnh quyết định mức vốn bổ sung cho Quỹ.

1.3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ theo chỉ đạo của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

1.4. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đúng mục tiêu của Quỹ.

1.5. Chủ động phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh thực hiện nghiệp vụ quản lý tín dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn việc thực hiện về tổ chức bộ máy, xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc cần có đối với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thanh Hóa

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy, tình hình quản lý sử dụng cán bộ, viên chức của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với các ngành xây dựng danh mục các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Thanh Hóa báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quyết định.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc cân đối và bố trí dự toán ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho Quỹ.

4. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.

- Phối hợp với các ngành theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.

II. CHUẨN BỊ NHÂN SỰ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép thành lập Quỹ, UBND tỉnh giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ phối hợp các cơ quan chức năng trình UBND tỉnh theo thẩm quyền thực hiện các công việc: Quyết định thành lập Hội đồng Quản lý Quỹ; Bổ nhiệm các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ; thành lập các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ; thông qua phương án nhân sự; chế độ tiền lương, thưởng; tuyển chọn cán bộ có trình độ chuyên môn đảm bảo yêu cầu để bố trí vào các phòng nghiệp vụ (*có Thuyết minh cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ kèm theo*).

- Trụ sở làm việc của Quỹ tạm thời đặt tại Sở Tài chính. Khi có đủ điều kiện sẽ xem xét trình UBND tỉnh xây dựng mới.

- Mua sắm bổ sung các tài sản, trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc (bàn, ghế, tủ tài liệu, điện thoại, máy vi tính...)

Sau khi chuẩn bị xong các điều kiện cần thiết về tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và cơ sở vật chất, Quỹ chính thức đi vào hoạt động. Dự kiến các hoạt động của Quỹ năm 2015, 2016 (*có phương án kèm theo*).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHƯƠNG ÁN
Cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa
(Kèm theo Đề án)

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương; để phù hợp với yêu cầu hoạt động của Quỹ, dự kiến Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Dự kiến khi mới thành lập ngân sách cấp tỉnh sắp xếp, bố trí nhiệm vụ thu, chi để cấp vốn điều lệ cho Quỹ **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng), cụ thể như sau:

1. Cấp năm 2015: 100.000 triệu đồng; từ nguồn sắp xếp nhiệm vụ chi và nguồn tăng thu năm 2015.

2. Cấp năm 2016: 50.000 triệu đồng; bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh.

Vốn điều lệ của Quỹ dự kiến được huy động, bổ sung hàng năm từ các nguồn:

- Bố trí trong dự toán ngân sách, nguồn tăng thu ngân sách tỉnh hàng năm và bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

- Nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHƯƠNG ÁN

Hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa năm 2015 và năm 2016
(Kèm theo Đề án)

Việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa nhằm mục đích tạo ra một kênh huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh theo quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, dự kiến Phương án hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển năm 2015 và năm 2016 như sau:

1. Thành lập bộ máy, xây dựng cơ chế hoạt động và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất

Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa (Sau đây gọi tắt là Quỹ), trong năm 2015 và năm 2016, UBND tỉnh chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Quỹ đủ điều kiện đi vào hoạt động:

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và cán bộ

Các cơ quan chức năng theo thẩm quyền thực hiện các công việc trình UBND tỉnh: Quyết định thành lập Hội đồng Quản lý Quỹ; bổ nhiệm các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát; Kế toán trưởng; các thành viên khác của Ban kiểm soát; thành lập các phòng nghiệp vụ; thông qua phương án nhân sự; chế độ tiền lương, thưởng; tuyển chọn cán bộ có trình độ chuyên môn đảm bảo yêu cầu để bố trí vào các phòng nghiệp vụ.

2. Xây dựng cơ chế hoạt động

- UBND Tỉnh quyết định phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2015 và năm 2016.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ban hành: Quy chế hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí gián tiếp; Quy chế trả lương; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay đầu tư; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế thẩm định dự án; Quy chế đảm bảo tiền vay và các quy định theo thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Giám đốc Quỹ quyết định ban hành Quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

3. Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất

- Trụ sở làm việc của Quỹ tạm thời đặt tại Sở Tài chính (Văn phòng Quỹ phát triển đất tỉnh đang làm việc). Khi có đủ điều kiện sẽ xem xét trình UBND tỉnh xây dựng mới.

- Mua sắm bổ sung các trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc như: bàn, ghế, tủ tài liệu, điện thoại, máy vi tính...

II. Kế hoạch hoạt động

Sau khi chuẩn bị xong các điều kiện cần thiết về tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và cơ sở vật chất, Quỹ chính thức đi vào hoạt động. Dự kiến các hoạt động của Quỹ năm 2015 và năm 2016 như sau:

1. Cấp vốn điều lệ

Để Quỹ có nguồn vốn hoạt động ngay từ ngày đầu thành lập, UBND Tỉnh dự kiến sắp xếp, bố trí nhiệm vụ thu, chi và tăng thu ngân sách tỉnh để cấp vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ từ ngân sách cấp tỉnh là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Quỹ dự kiến được huy động, bổ sung hàng năm từ các nguồn:

- Bố trí trong dự toán ngân sách, nguồn tăng thu ngân sách tỉnh hàng năm và bổ sung từ Quỹ ĐT phát triển theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

- Nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

(Dự kiến năm 2015 cấp vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng; năm 2016 là 50.000.000.000 đồng)

2. Hoạt động đầu tư trực tiếp

Căn cứ vào nhu cầu thực tế và năng lực của Quỹ đầu tư phát triển trong thời gian đầu mới thành lập, dự kiến Quỹ chỉ tập trung đầu tư vào các dự án có quy mô vừa và có khả năng thu hồi vốn nhanh. Danh mục đầu tư cụ thể UBND tỉnh sẽ xem xét theo đề nghị của Giám đốc Quỹ:

- Dự kiến năm 2016 triển khai đầu tư 01 Dự án nhà ở xã hội (nhà ở cho đối tượng thu nhập thấp) khoảng 30.000.000.000 đồng, mức sinh lời tạm tính bằng lãi xuất cho vay tính dụng 8,55%/năm theo quy định tại Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 19/5/2015 của Bộ Tài chính.

- Đầu tư công trình kết cấu hạ tầng phát triển KT-XH: Thực hiện từ năm 2016 (Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Quyết định 3877/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và các quyết định liên quan).

Từ năm 2016, đầu tư trực tiếp bình quân hàng năm là 50 tỷ đồng/năm, mức sinh lời tạm tính bằng lãi suất cho vay tín dụng 8,55%/năm theo quy định tại Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 19/5/2015 của Bộ Tài chính.

3. Góp vốn đầu tư với các tổ chức kinh tế

Trong những năm đầu dự kiến chỉ góp vốn vào các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, thời gian thu hồi vốn nhanh (dự kiến có tham gia cùng doanh nghiệp góp vốn xây dựng dự án nhà ở xã hội). Năm 2016 thực hiện với tổng mức vốn góp đầu tư là 30.000.000.000 đồng; mức sinh lời tạm tính bằng lãi suất cho vay tính dụng 8,55%/năm theo quy định tại Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 19/5/2015 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Quỹ có thể cùng góp vốn với doanh nghiệp vào một số dự án góp vốn theo hình thức PPP như: Đường vành đai thị xã Sầm Sơn; đường vành đai Đông Tây thành phố Thanh Hóa; đường nối từ QL217 đi QL 45, QL 47 (bao gồm cả cầu vượt sông Chu)...

4. Nhận uỷ thác

Khi quỹ chính thức đi vào hoạt động năm 2015 (dự kiến Quý 4 năm 2015) và 2016 dự kiến nhận uỷ thác đầu tư cho các công ty/tổ chức tài chính trung gian (Quỹ phát triển đất), nhận uỷ thác cấp phát vốn cho các công trình, dự án từ ngân sách Nhà nước (vốn cân đối ngân sách, vốn vay Ngân hàng Phát triển, vay KBNB). Mức vốn dự kiến nhận uỷ thác bình quân 300.000 triệu đồng/năm, phí nhận uỷ thác dự kiến 0,03%/tháng (Năm 2015: 300.000 triệu đồng x 0,03%/th x 3th = 270 triệu đồng; Năm 2016: 300.000 triệu đồng x 0,03%/th x 12 th = 1.080 triệu đồng).

5. Huy động vốn

Để đảm bảo tính an toàn vốn và nhu cầu, năng lực thực tế, trong 2 năm đầu Quỹ dự kiến huy động không quá 50% vốn điều lệ ban đầu.

- Tổng số vốn dự kiến huy động: 20 tỷ đồng, lãi suất huy động dự kiến 6%/năm. Bao gồm:

+ 20 tỷ đồng từ nguồn vốn nhân rồi thường xuyên của Quỹ phát triển đất: Trong quá trình luân chuyển ứng vốn và thu hồi vốn sẽ phát sinh vốn nhân rồi để huy động thực hiện nhiệm vụ của Quỹ đầu tư phát triển..

Về việc huy động vốn từ các tổ chức tài chính; doanh nghiệp, cá nhân khác: Trong quá trình thực hiện sẽ kêu gọi các tổ chức tín dụng, cá nhân đầu tư thực hiện cùng góp vốn để đầu tư xây dựng cải tạo các công trình trọng điểm phát triển KT-XH, đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp khi có điều kiện;

- Khi Quỹ đi vào hoạt động ổn định, tiến hành tiếp cận với các tổ chức tài chính, tín dụng quốc tế để huy động vốn theo quy định của Bộ Tài chính, gồm:

+ Nguồn vốn vay từ ngân hàng thế giới (WB): Thông qua Bộ Tài chính;

+ Nguồn vốn vay từ Cơ quan phát triển Pháp (AFD): Thông qua Bộ Tài chính và quyết định phân bổ vốn của Chính phủ (một số Quỹ đầu tư của các tỉnh đã và đang làm thủ tục vay vốn từ quỹ trên; bình quân 10 triệu Euro/lần vay, thời gian vay 15 năm và 10 năm ân hạn, lãi suất bằng không).

+ Thông qua Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương tìm kiếm các khoản hỗ trợ, tài trợ không hoàn hoàn lại.

6. Cho vay đầu tư các dự án

Trên cơ sở vốn điều lệ và các nguồn vốn huy động được, dự kiến sau khi thành lập (từ 01/10/2015) sẽ thực hiện cho vay đầu tư các dự án. Năm 2015 dự kiến mức **đur** nợ khoảng 30.000.000.000 đồng; Từ năm 2016 bình quân là 60 tỷ đồng/năm với lãi suất bình quân là cho vay dự kiến tối đa đến 8,55%/năm (Mức lãi suất cụ thể sẽ trình UBND tỉnh Quyết định sau khi thành lập).

Dự kiến cho vay:

- Dự án đầu tư trọng điểm cho phát triển KT-XH của tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, Nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, Thị xã Sầm Sơn và các dự án đầu tư khác: 30 tỷ đồng, lãi suất cho vay dự kiến tối đa 8,55%/năm, sẽ đầu tư cho vay tiếp khi Quỹ huy động nguồn vốn bổ sung.

- Dự án tạo Quỹ đất ở các huyện, thị xã, thành phố để bán đấu giá thu tiền sử dụng đất từ 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, lãi suất cho vay dự kiến tối đa 8,55%/năm.

7. Thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động năm 2015 và năm 2016

7.1. Năm 2015

Dự kiến Quỹ đi vào hoạt động từ 01/10/2015, trong 3 tháng cuối năm 2015 thực hiện tìm hiểu và tìm kiếm các hoạt động đầu tư kinh doanh và nhận ủy thác. Dự kiến thu, chi tài chính như sau:

a) Dự kiến doanh thu:

Tổng số thu: 1.698 triệu đồng, gồm:

- Lãi cho vay đầu tư: $30.000 \text{ triệu đồng} \times 8,55\%/năm \times 03 \text{ th} = 641 \text{ triệu đồng}$.

- Phí nhận ủy thác: $1.080 \text{ triệu đồng/năm} \times 03 \text{ tháng} = 270 \text{ triệu đồng}$.

- Lãi tiền gửi dự trữ quỹ: $70.000 \text{ triệu đồng} \times 4,5\%/năm \times 3 \text{ th} = 787 \text{ triệu đồng}$.

b) Dự kiến chi phí:

Tổng chi phí: 1.022 triệu đồng, gồm:

- Chi phí quản lý: $((\text{Bình quân } 90 \text{ triệu đồng/người/năm} \times 16 \text{ người}) \times 3 \text{ tháng}) \times 1,5 \text{ lần} = 540 \text{ triệu đồng}$.

- Phụ cấp, công tác phí cán bộ kiêm nhiệm: $8 \text{ người} \times 1,3 \text{ triệu đồng} \times 3 \text{ tháng} = 32 \text{ triệu đồng}$;

- Chi phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị làm việc 1.500 triệu đồng dự kiến phân bổ 10% = 150 triệu đồng;

- Các khoản chi phí nghiệp vụ khác 300 triệu đồng.

c) Dự kiến kết quả hoạt động tài chính:

Lợi nhuận trước thuế: 676 triệu đồng.

7.2. Năm 2016:

Năm 2016 Quỹ đi vào hoạt động ổn định đầu tư, kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương. Dự kiến thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động như sau:

a) Dự kiến doanh thu:

Tổng doanh thu: 11.785 triệu đồng, gồm:

- Lãi đầu tư trực tiếp: $50.000 \text{ triệu đồng} \times 8,55\%/\text{năm} = 4.275 \text{ triệu đồng}$.
- Lãi cho vay đầu tư : $60.000 \text{ đồng} \times 8,55\% = 5.130 \text{ triệu đồng}$.
- Phí nhận uỷ thác: 1.080 triệu đồng.
- Lãi tiền gửi dự trữ quỹ: $20.000 \text{ triệu đồng} \times 4,5\% \text{ năm} = 900 \text{ triệu đồng}$.
- Lãi góp vốn (nếu có) hoặc thu từ tiền gửi ngân hàng: $40.000 \text{ triệu đồng} \times 1\% \text{ (lãi không kỳ hạn)} = 400 \text{ triệu đồng}$.

b) Dự kiến chi phí:

Tổng chi phí: 7.235 triệu đồng, gồm:

- Chi phí quản lý: (Bình quân 90 triệu đồng/người/năm cho 16 người) $\times 1,5 \text{ lần} = 2.160 \text{ triệu đồng}$;
- Trả lãi huy động vốn bình quân: $20.000 \text{ triệu đồng} \times 6\% = 1.200 \text{ triệu đồng}$.
- Phụ cấp, công tác phí cán bộ kiêm nhiệm: $8 \text{ người} \times 1,3 \text{ triệu đồng} \times 12 \text{ tháng} = 125 \text{ triệu đồng}$.
- Các khoản chi phí nghiệp vụ khác ($200 \text{ triệu đồng} \times 12 \text{ th}$) = 2.400 triệu đồng.
- Phân bổ chi phí mua sắm tài sản còn lại chờ phân bổ 90% = 1.350 triệu đồng.

c) Dự kiến kết quả hoạt động tài chính

Lợi nhuận trước thuế 4.550 triệu đồng.

Trên đây là Phương án hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa trong 2 năm 2015 và năm 2016./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2015

THUYẾT MINH

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa

(Kèm theo Đề án)

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương; để phù hợp với yêu cầu hoạt động của Quỹ, dự kiến Phương án cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa như sau:

Tổ chức bộ máy của Quỹ bao gồm:

1. Hội đồng Quản lý: Dự kiến gồm có 5 người:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý: Phó Chủ tịch UBND Tỉnh kiêm nhiệm;
- Phó chủ tịch Hội đồng quản lý, kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách;
- Phó chủ tịch HĐQT: Do Lãnh đạo Sở Tài chính kiêm nhiệm;
- Các thành viên:
 - + Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư kiêm nhiệm;
 - + Lãnh đạo NHNN Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa kiêm nhiệm.

2. Ban Kiểm soát: Dự kiến gồm 3 người:

- Trưởng Ban do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nhân sự dự kiến là Trưởng ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các uỷ viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát (có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng, có kinh nghiệm quản lý hoặc điều hành về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng hoặc đầu tư). Nhân sự dự kiến là đại diện ngân hàng nhà nước và đại diện Sở Kế hoạch và đầu tư (hoặc Sở Tài chính).

3. Bộ máy điều hành Quỹ (hoạt động chuyên trách)

Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó giám đốc) và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, số người làm việc dự kiến khi thành lập là 16 người.

3.1- Phó chủ tịch thường trực Hội đồng quản lý, kiêm Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng, có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm quản lý hoặc điều hành về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng, quản trị doanh nghiệp, đầu tư). Nhân sự dự kiến là Phó giám đốc Sở Tài chính.

3.2 - Phó giám đốc Quỹ, do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. (có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng, có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm quản lý hoặc điều hành về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng, quản trị doanh nghiệp, đầu tư). Nhân sự lựa chọn từ các Trưởng/phó phòng nghiệp vụ Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Thanh Hóa.

3.3 - Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (có bằng đại học chuyên ngành tài chính, kế toán hoặc ngân hàng, có chứng chỉ Kế toán trưởng, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm công tác). Nhân sự lựa chọn từ các Phòng nghiệp vụ của Sở Tài chính.

3.4 - Các Phòng nghiệp vụ, do Hội đồng quản lý quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ. Trong giai đoạn trước mắt khi thành lập dự kiến gồm 04 phòng:

3.4.1 Phòng Kế hoạch - thẩm định. Gồm 03 người: Trưởng phòng và 02 cán bộ;

3.4.2. Phòng Quản lý dự án đầu tư. Gồm 03 người: Trưởng phòng và 02 cán bộ;

3.4.3. Phòng Tín dụng và Quản lý vốn uỷ thác. Gồm 03 người: Trưởng phòng và 02 cán bộ.

3.4.4. Phòng Tài chính tổng hợp - hành chính tổ chức: Gồm 04 người: Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng và 03 cán bộ;

Ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển quản lý Quỹ phát triển đất (thông qua hợp đồng quản lý vốn uỷ thác). Quỹ Đầu tư phát triển điều hành nghiệp vụ, quản lý, lập sổ sách hạch toán kế toán theo dõi riêng đối với Quỹ phát triển đất.

(Điều 9 Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế mẫu về quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất quy định: Quỹ phát triển đất sau khi được UBND tỉnh quyết định uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển quản lý, thì không thành lập các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ phát triển đất).

Dự kiến Nhân sự: Tổng số 16 người (bao gồm cả giám đốc, phó giám đốc) được điều động từ Sở Tài chính, Quỹ phát triển đất (hiện cán bộ đang kiêm nhiệm) và các ngành chuyển sang. Trường hợp thiếu thì tuyển dụng thêm để đảm bảo số người làm việc tối thiểu cho hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ (cán bộ nghiệp vụ phải có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, luật, tài chính hoặc ngân hàng, xây dựng, kiến trúc, giao thông, thủy lợi có kinh nghiệm (tối thiểu 3 năm) về một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng, đầu tư, quản lý dự án).

Sau khi uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh quản lý hoạt động, Quỹ Phát triển đất chỉ còn Hội đồng quản lý, Giám đốc quỹ hoạt động theo chế độ kiêm

nhiệm đại diện cho quỹ để thực hiện ký kết hợp đồng ủy thác hoạt động cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.

Trên đây là Thuyết minh cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục I
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI ƯU TIÊN ĐƯỢC
ĐẦU TƯ TỪ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA

Số TT	Danh mục dự án	Ghi chú
1	2	3
I	CÁC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG, NĂNG LƯỢNG, MÔI TRƯỜNG	
1	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường liên huyện, liên xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	
2	Đường giao thông từ ngã ba Voi đi thị xã Sầm Sơn - Giai đoạn 2.	
3	Đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa - Giai đoạn 2.	
4	Đầu tư xây dựng các điểm dừng chân trên các tuyến đường tỉnh.	
II	CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ	
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 3 - KKT Nghi Sơn.	
2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.	
III	CÁC DỰ ÁN NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Nâng cấp và mở rộng cảng cá Lạch Hới.	
IV	CÁC DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA HẠ TẦNG XÃ HỘI	
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	
2	Xây dựng nhà trung chuyển phục vụ tái định cư tạm thời cho công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
3	Hạ tầng đô thị Bim Sơn.	
4	Hạ tầng đô thị Tĩnh Gia.	
5	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia.	
6	Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
V	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa (cơ sở 2)	
2	Bến xe trung tâm thành phố Thanh Hóa và bến xe 06 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa	
3	Hệ thống bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	
4	Các dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	
5	Hệ thống xử lý nước thải KKT Nghi Sơn	
VI	VÀ CÁC DỰ ÁN KHÁC...	

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu, khả năng cân đối và huy động nguồn lực của tỉnh.

Phụ lục II
Hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển tại một số tỉnh
(Kèm theo Đề án)

1. Quỹ đầu tư phát triển Đà Nẵng

Thành lập năm 2008; tổng nguồn vốn: 795 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ 426 tỷ đồng.

a) Năm 2014:

- Cho vay 350,8 tỷ; ký hợp đồng tín dụng 230,5 tỷ; giải ngân 153,64 tỷ.
- Nhận ủy thác quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để cho 23 dự án được vay vốn giá trị 61,7 tỷ; bảo lãnh 10 doanh nghiệp: 12,2 tỷ.
- Vận động đóng góp vốn điều lệ 1,3 tỷ (dư nợ 42,9 tỷ).
- Góp vốn 4 đơn vị: Công ty công nghệ phần mềm; Công ty TNHH thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng; Trung tâm dịch vụ Total Việt Nam; Công ty TNHH Massada Land.
- Bán thu tiền 7/100 căn hộ Vicoland giá trị 19,4 tỷ; thành phố giao xây dựng 230 căn hộ thuộc dự án Blue house.

(Các năm trước, đã đầu tư hạ tầng khu dân cư Phước Lý, Hòa Sơn; khu chung cư thu nhập thấp Đại Địa bảo, khu ký túc xá sinh viên... Cho vay đầu tư xây dựng kho được phẩm GSP, hệ thống xử lý nước thải của Cty dệt may Hòa Thọ...)

- Phát hành trái phiếu thành phố: 1.100 tỷ, lãi suất 5,6%/năm.
- Doanh thu 80 tỷ; lợi nhuận 40 tỷ; nộp ngân sách: 839 triệu.

b) Nhiệm vụ năm 2015:

- Đầu tư 360 tỷ; dư nợ tăng 30-40% so với 2014.
- Thực hiện chương trình cho vay hỗ trợ sản xuất – xuất khẩu và bảo lãnh tín dụng; thực hiện nhiệm vụ Quỹ phát triển nhà ở, Quỹ phát triển đất; tiếp nhận vốn nhà nước tại công ty cấp nước Đà Nẵng...

2. Quỹ đầu tư phát triển Hà Nội

Thành lập năm 2004 với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, năm 2008 nâng lên 2.000 tỷ đồng và đang tiến tới mức 5.000 tỷ đồng.

a) Một số thành tựu đạt được:

- Cho vay nhà tái định cư, tạo đất sạch: 10.000 tỷ với 771 dự án, tài trợ tín dụng các dự án trọng điểm của thành phố 2.230 tỷ.
- Góp vốn thành lập công ty cổ phần: Công ty Crown Hà nội, Công ty được Hà Tây.
- Đầu tư hạ tầng: Xây dựng nhà tái định cư, XD tuyến đường sắt số 6 (góp vốn cùng Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi và Ngân hàng JBIC Nhật Bản đầu tư theo hình thức PPP); Bệnh viện, công viên cây xanh...

b) Kết quả hoạt động tài chính giai đoạn 2004-2014:

- Huy động vốn: 254 tỷ (Ngân hàng Đầu tư phát triển, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Quân đội; Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi, Tổ chức Tài chính của Nga,...); Cho vay, đầu tư 12.006 tỷ; vốn ủy thác (cho vay, cấp phát): 9.290 tỷ.

- Doanh thu: 1.101 tỷ; lợi nhuận 977 tỷ; nộp ngân sách 242 tỷ.

3. Quỹ đầu tư phát triển Cần Thơ

Thành lập năm 2009 với vốn điều lệ ban đầu là 200 tỷ, hiện nay là 620 tỷ.

a) Đã và đang đầu tư:

- Khu trung tâm dân cư, thương mại quận Thốt Nốt (244 tỷ); Khu đô thị Hưng Phú – Cái Răng (140 tỷ); Khu đô thị phường An Hòa; Khu đô thị Thốt Nốt mở rộng.

- Thành lập 2 công ty: Công ty CP đầu tư CADIF (vốn điều lệ 100 tỷ, Quỹ góp 49%); Công ty CP tư vấn thiết kế CADIF (vốn điều lệ 15 tỷ, Quỹ góp 40%).

b) Đang chuẩn bị đầu tư và kêu gọi đầu tư:

- Dự án chỉnh trang khu đô thị đường Phạm Ngũ Lão (600 tỷ); kêu gọi hợp tác đầu tư xây dựng chung cư cao cấp, nhà trẻ mẫu giáo trong dự án.

- Dự án xây dựng trung tâm đậu xe 5 tầng phường Phan Đình Phùng và Ngô Văn Sở (300 tỷ đồng).

4. Quỹ đầu tư phát triển Thái Bình

Thành lập cuối năm 2013, vốn điều lệ 100 tỷ.

Các dự án đang đầu tư: Hạ tầng cho khu bệnh viện tập trung, Nhà ở xã hội tại trung tâm thành phố, góp vốn cùng DN xây dựng đường giao thông gần cầu Tân Đệ; được Ngân sách tỉnh ứng trước để mua xi măng cấp cho các xã phục vụ kiên cố hóa giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng theo chương trình nông thôn mới...

5. Quỹ đầu tư phát triển Quảng Nam

Đầu tư cho vay mở rộng bệnh viện Đa khoa, mua sắm phương tiện vận tải công cộng (đoàn xe bus), cho vay đầu tư dự án chợ Nam Phước, Đầu tư trực tiếp DA khu dân cư Tam Kỳ – Quảng Nam...

6. Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư XD trường Đại học sư phạm kỹ thuật TP. HCM, DA xử lý nước thải Tân Tạo, DA xây dựng trường Mầm non Rạng Đông... *UBAT*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Số: /2015/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2015

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của
Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Căn cứ Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội Vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTr-TU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC thaoht2015.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Xứng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH HÓA
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

CHƯƠNG I

Điều 1. Đối tượng phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

Điều 2. Quỹ Đầu tư phát triển Thanh Hóa

1. Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa (gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, được thành lập theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Thanh Hóa nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

2. Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa là 150 tỷ đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

3. Tên gọi của Quỹ

- Tên gọi: Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa,
- Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Thanh Hoa Development Investment Fund
- Tên viết tắt: THDIF

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Trụ sở hoạt động của Quỹ được đặt tại Nam Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa (Sở Tài chính Thanh Hóa)

5. Điện thoại, Fax, trang điện tử:

- a) Điện thoại:
- b) Fax:
- c) Trang điện tử (nếu có):

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa là một tổ chức tài chính Nhà nước của tỉnh; thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động.

1. Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và 04 (bốn) Phòng nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

c) Phê duyệt các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 10, Điều 13 và Điều 22 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP hoặc mức thấp hơn theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

d) Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

đ) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

e) Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

g) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

h) Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

i) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

k) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ;

l) Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

m) Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ;

n) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đối với các dự án quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Hoạt động huy động vốn: Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Hoạt động đầu tư trực tiếp: Quỹ được đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

3. Hoạt động cho vay: Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

4. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

5. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

b) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

6. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương: Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 33 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ có các trách nhiệm sau:

- a) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- b) Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;
- c) Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ:

Ngoài quyền hạn quy định tại Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ có các quyền hạn sau:

- a) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;
- b) Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;
- c) Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;
- d) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về quyết định của mình (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

đ) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

e) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;

g) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

h) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

i) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

l) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;

m) Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban quản lý điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

n) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Mục 1 HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 11. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định

và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 người. Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm và không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền;

b) Ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

đ) Quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ;

i) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

k) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

l) Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

d) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Tổng

giám đốc/Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 15. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp

Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 16. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có chức năng giúp Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và hai (02) thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách (01 người) và làm việc chuyên trách (01 người) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

4. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 18. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghi hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3 **GIÁM ĐỐC QUỸ**

Điều 19. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

4. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 22. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 21 Thông tư này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghỉ hưu;

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ

Điều 23. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ

nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 24. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các Phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 25. Tuyển dụng lao động

Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định tổng số lao động hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Hàng năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, khối lượng công việc, khả năng tài chính, Giám đốc Quỹ được ký hợp đồng lao động, đảm bảo cho việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không được vượt quá số lao động hàng năm đã được Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Điều 26. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 27. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 28. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời hạn có hiệu lực thi hành của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động (nếu cần thiết)./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Xứng